

Bản án số: 274/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mai Hồng và bà Vũ Thị Cự.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
Mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số
108/2021/TLST-HNGĐ ngày 21-7-2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 277/2020/QĐXX-ST ngày
21-11-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2022/QĐ-HPT ngày 02-12-2022,
giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh D.H.Văn, sinh năm 1974;

Căn cước công dân số 001074008169 do Cục cảnh sát quản lý hành chính
về trật tự xã hội cấp ngày 10-5-2021.

Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Số 26 L.T.K, phường H.B, quận Hoàn Kiếm, Thành
phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở: số nhà 34A ngõ 50 V.T, phường B, quận Tây Hồ, Thành
phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đ.B.Vân, sinh năm 1976; Hộ chiếu số: N2419776 do Đại sứ
quán Việt Nam tại Hungary cấp ngày 24-11-2021.

Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Số 26 L.T.K, phường H.B, quận Hoàn Kiếm, Thành
phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở hiện nay: Căn hộ số 4, tầng 1, nhà số 30-32 József K.T,
115 Budapest, Hungary.

Chị Đ.B.Vân vắng mặt và có Giấy ủy quyền cho bà N.T.Hiền, sinh năm
1940 (là mẹ đẻ); Địa chỉ: Số 19, ngõ 15 Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận
H.B.T, Thành phố Hà Nội để giao nộp tài liệu và nhận văn bản tố tụng của Tòa án

(theo Giấy ủy quyền số công chứng: 225 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary chứng nhận ngày 02-11-2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là anh D.H.Văn trình bày:

Anh D.H.Văn kết hôn với chị Đ.B.Vân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L.Đ.H, quận H.B.T, Thành phố Hà Nội ngày 16-11-2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà số 26 L.T.K, phường H.B, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và sau đó là số 19 ngõ 15 Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận H.B.T, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4-2018. Từ thời điểm đó, thì việc ai người đó làm, không quan tâm hay trao đổi công việc với nhau nữa.

Đến tháng 8-2019, chị Đ.B.Vân chuyển sang sống tại Hungary còn anh Văn thì sinh sống tại Việt Nam. Anh D.H.Văn xác định vợ chồng xa cách, mỗi người có một cuộc sống riêng; nay tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu D.C.Mai, sinh ngày 13-7-2003 và cháu D.C.Hoa, sinh ngày 10-5-2009. Cháu Mai đã trưởng thành, sức khỏe tốt. Hiện nay cả hai cháu đều đã sang Hungary ở với chị Vân.

Do ở nước ngoài các cháu có điều kiện học tập, sinh hoạt, phát triển tốt hơn nên anh D.H.Văn đồng ý giao cho chị Vân tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D.C.Hoa. Anh Văn tự nguyện cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nghĩa vụ chung về tài sản nên anh Văn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Anh D.H.Văn tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là chị Đ.B.Vân vắng mặt, có văn bản trình bày quan điểm:

Chị Đ.B.Vân nhất trí với nội dung anh D.H.Văn trình bày về quá trình kết hôn, chung sống. Trước đây, tại Biên bản lấy lời khai ngày 10-12-2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary, chị Vân có ý kiến không đồng ý ly hôn cho đến khi nhận được mức cấp dưỡng nuôi con chung theo như yêu cầu của chị, cụ thể: Đề nghị anh D.H.Văn cấp dưỡng 50% lương (mỗi cháu 300 Euro/tháng) cho đến khi các cháu học hết Đại học; Về tài sản: Chị Vân trình bày vợ chồng có các tài sản chung sau khi kết hôn, gồm: Tài sản là bất động sản đứng tên anh D.H.Văn: (1) Nhà ở tại

Vạn Phúc, phường Kim Mã đã được bán năm 2015 số tiền giao dịch gần 20 tỷ đồng; một căn hộ tại Nha Trang và một số tài sản khác.

Tại biên bản làm việc ngày 28-9-2022 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary lập, chị Đ.B.Vân có quan điểm, cụ thể:

- Về tình cảm: Chị Đ.B.Vân đồng ý ly hôn với anh D.H.Văn nếu anh Văn đồng ý cấp dưỡng nuôi con bằng 50% lương của anh Văn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu D.C.Mai, sinh ngày 13-7-2003 và cháu D.C.Hoa, sinh ngày 10-5-2009; Hiện nay cả hai cháu đều đang sinh sống cùng với chị Vân ở Hungary. Chị Vân có yêu cầu được nuôi con chung và đề nghị anh Văn cấp dưỡng nuôi con mức bằng 50% lương.

- Về tài sản chung: Do chị Vân chưa có tài liệu, chứng cứ chứng minh về tài sản chung nên chị Vân không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ngày 02-11-2022, chị Đ.B.Vân có lập Giấy ủy quyền có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary để ủy quyền cho bà N.T.Hiền, sinh năm 1940; Căn cước công dân số 001140010127 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10-5-2021 (là mẹ đẻ của chị Vân) để giao nộp tài liệu đến Tòa án và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa chị với anh D.H.Văn.

Tại phiên tòa:

Chị Đ.B.Vân vắng mặt do đang sinh sống ở nước ngoài.

Anh D.H.Văn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để anh, chị sớm ổn định cuộc sống. Anh Văn tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là cháu D.C.Hoa với chị Đ.B.Vân, mức đóng góp với số tiền là 5.000.000đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết; Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa.

Chị Đ.B.Vân vắng mặt, đã được tổng đạt văn bản tố tụng và làm thủ tục ủy quyền nhận văn bản hợp lệ nên việc xét xử vụ án vắng mặt chị Vân là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét quan hệ vợ chồng giữa anh D.H.Văn và chị Đ.B.Vân mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau; mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh D.H.Văn

và chị Đ.B.Vân được ly hôn.

Về con chung: Cháu D.C.Mai đã trưởng thành, sức khỏe tốt và phát triển bình thường nên không xem xét vấn đề cấp dưỡng. Đề nghị HĐXX tiếp tục giao con chung chưa thành niên là cháu D.C.Hoa cho chị Đ.B.Vân chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc anh Văn tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị Vân mức 5.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án nên không xem xét.

Anh D.H.Văn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Vụ án có một bên đương sự là bị đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Đ.B.Vân hiện đang sinh sống và làm việc ở Hungary. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp đến Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary; chị Đ.B.Vân đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và có văn bản trình bày ý kiến, giấy ủy quyền có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Vân là đảm bảo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về tình cảm: Anh D.H.Văn kết hôn với chị Đ.B.Vân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành, quận H.B.T, Thành phố Hà Nội ngày 16-11-2001 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự đều trình bày xác nhận: Quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4-2018. Từ tháng 8-2019 đến nay, chị Vân đã chuyển sinh sống tại Hungary; vợ chồng sống mỗi người một nơi, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Như vậy, cuộc sống chung vợ chồng đến nay đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D.H.Văn và chị Đ.B.Vân đã trầm trọng kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Các bên đương sự đều xác nhận thực trạng quan hệ vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng kéo dài và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.H.Văn và giải quyết cho anh D.H.Văn được ly hôn chị Đ.B.Vân.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu D.C.Mai, sinh ngày 13-7-2003 và cháu D.C.Hoa, sinh ngày 10-5-2009. Cháu D.C.Mai đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét.

Hiện nay cả hai cháu là con chung đều đang sinh sống ở Hungary với chị Vân. Các đương sự cùng thỏa thuận: Giao chị Đ.B.Vân nuôi giữ, chăm sóc con chung là cháu D.C.Hoa, sinh ngày 10-5-2009; anh D.H.Văn cung cấp văn bản xác nhận mức thu nhập hàng tháng của anh do đơn vị nơi công tác xác nhận là 8.817.820 đồng/tháng và anh Văn tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị Vân mức là 5.000.000đ/tháng .

Xét thấy: Việc các đương sự thỏa thuận việc giao người nuôi giữ, chăm sóc con chung là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên xét chấp nhận. Anh Văn tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị Vân với mức là 5.000.000đồng/tháng là phù hợp với mức thu nhập thực tế của anh Văn và yêu cầu của chị Vân nên Tòa án ghi nhận.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét. Nếu các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản thì có quyền khởi kiện để được Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí sơ thẩm: Anh D.H.Văn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 464, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.H.Văn.

Anh D.H.Văn được ly hôn chị Đ.B.Vân.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu D.C.Mai, sinh ngày 13-7-2003 và cháu D.C.Hoa, sinh ngày 10-5-2009. Cháu D.C.Mai đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét vấn đề cấp dưỡng.

Giao chị Đ.B.Vân trực tiếp nuôi giữ, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu D.C.Hoa, sinh ngày 10-5-2009. Ghi nhận việc Anh D.H.Văn tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 5.000.000đồng/tháng (*Năm triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 12-2022 cho đến khi cháu D.C.Hoa đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Anh D.H.Văn được phép đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản, thì các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh D.H.Văn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh D.H.Văn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000243 ngày 20-7-2021 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội được đối trừ vào số tiền án phí phải nộp. Anh D.H.Văn còn phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm còn thiếu.

5. Về quyền kháng cáo: Anh D.H.Văn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Đ.B.Vân có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội
- Các đương sự;
- UBND phường Lê Đại Hành, quận H.B.T, TP Hà Nội;
- Lưu HS + VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Chí Nguyễn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA